

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026. Về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2026/TLST-KDTM ngày 18 ngày 6 tháng 2026; Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Ông Nguyễn Văn H có đơn trình bày hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Công ty Cổ phần J (viết tắt là Công ty J)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Văn bản Ủy quyền số 08/2026/UQ-TGD của Ông Hoàng Anh T – Tổng giám đốc Jupiter cho Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm Xử lý nợ).

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty Cổ phần J: Ông Trần Đạt T1; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2 (Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/03/2026 của ông Ngô Chí D).

Người được ủy quyền lại của Ngân hàng V1: Ông Trần Văn M1, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973. CCCD 033073002945, cấp ngày 17/10/2023.

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên).

Địa chỉ nơi ở: Thôn N, xã P, tỉnh Lào Cai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ nợ: Ông Nguyễn Văn H thanh toán trả Ngân hàng V1 và Công ty J số tiền gốc là: 2.313.104.606 đồng (hai tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm linh tư nghìn, sáu trăm linh sáu đồng); số tiền lãi trong hạn là: 172.469.144 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi tư đồng); số tiền lãi quá hạn: 454.764.347 đồng (bốn trăm năm mươi tư triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng); số tiền lãi chậm trả là: 47.795.520 đồng (bốn mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi đồng); số tiền lãi thế phát sinh là 68.461.385 đồng (sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng). Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/7/2026 là: 3.056.595.002 đồng (ba tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm linh hai đồng). Cụ thể như sau:

2.1.1. Trả Công ty J: Trả số tiền gốc là 2.108.283.677 đồng (hai tỷ, một trăm linh tám triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng); số tiền lãi trong hạn là 163.845.687 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng); số tiền lãi quá hạn là 432.026.129 đồng (bốn

trăm ba mươi hai triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi chín đồng); số tiền lãi chậm trả là 45.405.744 đồng (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm linh năm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng).

Trả Công ty J số tiền gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng số 365-P-1319689 là 93.858.630 đồng (chín mươi ba triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng); số tiền lãi thẻ phát sinh là 68.461.385 đồng (sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng).

Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/7/2026 trả cho Công ty J là 2.911.881.252 đồng (hai tỷ, chín trăm mười một triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng).

2.1.2. Trả Ngân hàng: Trả số tiền gốc là 110.962.299 đồng (một trăm mười triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng); số tiền lãi trong hạn là 8.623.457 đồng (tám triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng); số tiền lãi quá hạn là 22.738.218 đồng (hai mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm mười tám đồng); số tiền lãi chậm trả là 2.389.776 đồng (hai triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng). Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/7/2026 trả cho Ngân hàng là 144.713.749 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười ba nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra ông Nguyễn Văn H còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 31/7/2026 tính trên số nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho đến khi thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng và Công ty J.

2.2. Phương án trả nợ như sau:

Ngày 31/9/2026 ông Nguyễn Văn H trả Ngân hàng và Công ty J số tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), số tiền gốc trả này tính theo tỷ lệ tương ứng với số tiền nợ gốc ông H trả Ngân hàng và Công ty J tại mục 2.1.1 và mục 2.1.2.

Ngày 30/10/2026 ông Nguyễn Văn H trả hết số tiền gốc, lãi và hợp đồng thẻ tín dụng số 365-P-1319689 còn lại cho Ngân hàng và Công ty J.

Ngân hàng và Công ty J ưu tiên thu tiền vào gốc, sau khi thu hết gốc Ngân hàng và Công ty Jupiter thu vào lãi theo quy định.

2.3. Ông Nguyễn Văn H trả nợ theo đúng quy định thì Ngân hàng Công ty Jupiter trình cấp trên xem xét miễn, giảm lãi theo quy định cho ông Nguyễn Văn H.

2.4. Biện pháp xử lý tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty J và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ. Tài sản thế chấp là:

-Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1555, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.041.2m²; Địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn N, xã P, tỉnh Lào Cai), Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 732300 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02247 cấp ngày 10/01/2021. Ngày 12/01/2024 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lào Cai đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1973; có địa chỉ tại thôn M, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên).

-Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai; Số loại ACCENT HCI14 1.4 AT HGS PE; Số khung RLUAD41BBRN109417; Số động cơ G4LCPU981586; Màu sơn trắng; Theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 24 000028 do Công an huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 07 tháng 02 năm 2024; BKS 24A – 290.92 mang tên ông Nguyễn Văn H; thôn N, Bản C, B, Lào Cai (Nay là thôn N, xã P, tỉnh Lào Cai).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài thế chấp thanh toán khoản nợ của bên vay vốn đối với Ngân hàng và Công ty J sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tiền mà ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng và Công ty J.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Văn H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng và Công ty J.

2.5. Về án phí: Chấp nhận ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu cả tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 34.924.000 đồng (ba mươi tư triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty Cổ phần J số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 44.170.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng), theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0003233 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4-Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười